

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 5417/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng và Báo cáo số 145/BC-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 về thuyết minh, giải trình và tiếp thu bổ sung một số nội dung Nghị quyết quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi công tác phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị của các cơ

quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với chế độ công tác phí

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ) sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Nguồn kinh phí để chi công tác phí, chi hội nghị

Thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập và nguồn kinh phí khác (nếu có).

Điều 3. Thanh toán tiền chi phí đi lại

Thanh toán theo hóa đơn thực tế mua vé máy bay đi công tác trong nước:

Hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) dành cho các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên.

Hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt (như: Premium, Deluxe, Plus, Flex,...) dành cho cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 nhưng không thuộc đối tượng mua vé hạng thương gia (Business class hoặc C class).

Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông, các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia (Business class hoặc C class).

Hạng ghế phổ thông: Dành cho các đối tượng còn lại.

Điều 4. Phụ cấp lưu trú

1. Đi công tác trong và ngoài tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú là 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

Điều 5. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

1. Mức thanh toán theo hình thức khoán:

a) Đối với lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán 1.600.000 đồng/ngày/người (không phân biệt nơi đến công tác).

b) Đối với đi công tác ngoài tỉnh:

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại các tỉnh: 600.000 đồng/ngày/người.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại các tỉnh: 500.000 đồng/ngày/người.

c) Đối với đi công tác trong tỉnh: nơi đến công tác là các xã (thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) mức khoán là 350.000 đồng/ngày/người; tại đặc khu và các xã, phường còn lại, mức khoán 450.000 đồng/ngày/người.

2. Mức thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức

khoản tại khoản 1 Điều 5 thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng, như sau:

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; Đi công tác trong và ngoài tỉnh: 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; Đi công tác trong và ngoài tỉnh: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng; Đi công tác trong và ngoài tỉnh: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

Điều 6. Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng

Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì được thanh toán khoản tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức tối đa 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 7. Mức chi hội nghị

1. Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp tổ chức tại các thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/ngày/người;

b) Cuộc họp do tỉnh tổ chức (trong và ngoài tỉnh): 200.000 đồng/ngày/người;

c) Riêng cuộc họp do xã, phường, đặc khu tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 11 năm 2025.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết: Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định mức chi công phí và mức chi hội nghị tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh Lâm Đồng; Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X, Kỳ họp thứ 4 (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Chính phủ, Quốc hội;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, HSKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



K' Mák